

Helen, Lê Thị, cái frog

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *15* /2016/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *11* tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về mức thu các khoản thu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Hưng Yên
từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021

SỔ TÀI CHÍNH	
Số.....	<i>4394</i>
Ngày.....	<i>12/8/2016</i>
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ.....	

ĐẾN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính hướng dẫn về nội dung, mức chi công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên; số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 về việc ban hành Điều lệ

Ban đại diện cha mẹ học sinh; số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Hưng Yên từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung, mức chi công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia;

Theo đề nghị của liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Tài chính tại Tờ trình số 485/TTr-LN ngày 29/04/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về thu học phí

1. Đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1.1. Cơ sở giáo dục công lập

a) Mức thu:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh

TT	Nội dung	Mức thu	
		Khu vực nông thôn	Khu vực thành phố
1	Mầm non:		
	+ Nhà trẻ	63	82
	+ Mẫu giáo	50	70
2	Trung học cơ sở	44	60
3	Trung học phổ thông	57	70
4	Trung học phổ thông Chuyên Hưng Yên		80

Trong đó:

+ Khu vực thành phố: Cơ sở giáo dục đóng tại địa bàn các phường thuộc thành phố.

+ Khu vực nông thôn: Cơ sở giáo dục đóng tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện, thành phố.

b) Phương thức thu:

- Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học; các trường phổ thông học phí thu 9 tháng/năm học, các cơ sở giáo dục mầm non thu theo số tháng thực học.

- Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

c) Điều chỉnh mức thu:

- Trường hợp tổng chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm cộng dồn từ năm 2017 trở đi nhỏ hơn hoặc bằng 10%, giao liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Tài chính căn cứ chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, thông báo điều chỉnh mức thu học phí hàng năm.

- Trường hợp tổng chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm cộng dồn từ năm 2017 trở đi lớn hơn 10%, liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh mức thu học phí hàng năm.

1.2. Cơ sở giáo dục ngoài công lập

Tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên và thông báo công khai mức thu học phí từng năm học theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp

2.1. Cơ sở giáo dục công lập

Thực hiện thu học phí không vượt mức trần quy định tại Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

2.2. Cơ sở ngoài công lập

Tự quyết định mức thu học phí, thông báo công khai mức thu từng năm học và dự kiến cả khoá học, thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Điều 3. Quy định về mức thu lệ phí tuyển sinh, nghề

TT	Nội dung	Mức thu (Đồng/học sinh/môn, chứng chỉ)
1	Lệ phí thi tuyển vào lớp 10 THPT	40.000
2	Lệ phí sơ tuyển và thi tuyển vào lớp 10 THPT Chuyên	50.000
3	Lệ phí thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông	90.000
4	Lệ phí phúc khảo bài thi tuyển sinh vào lớp 10	30.000

Điều 4. Các khoản thu khác

1. Tiền học thêm

TT	Nội dung	Mức thu khu vực nông thôn (đồng/tiết)	Mức thu khu vực thành phố (đồng/tiết)
1	Trung học cơ sở	2.500	3.000
2	Trung học phổ thông	3.000	3.500
3	Trung học phổ thông Chuyên Hưng Yên		4.500

Mức thu do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với nhà trường, nhưng tối đa không vượt mức thu quy định nêu trên.

2. Một số khoản thu khác

TT	Nội dung	Mức thu khu vực nông thôn (đồng/tháng)	Mức thu khu vực thành phố (đồng/tháng)
1	Tiền trông xe đạp cho HS		
	+ Xe đạp	6.000	7.000
	+ Xe đạp điện	12.000	15.000
2	Tiền điện thắp sáng và chạy quạt lớp học	7.000	8.000
3	Tiền nước uống của học sinh	6.000	7.000
4	Tiền thuê dọn vệ sinh (Mầm non, tiểu học)	5.000	5.000
5	Tiền nội trú Ký túc xá		80.000

3. Tiền tổ chức ăn bán trú, chăm sóc bán trú, đồ dùng cá nhân của học sinh bán trú

Mức thu theo thoả thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; được UBND cấp xã nơi nhà trường đóng và phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (Đối với các đơn vị nhà trường do phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố quản lý); Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (Đối với các đơn vị nhà trường do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý).

4. Đồng phục học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên.

Căn cứ vào điều kiện của nhà trường và được cha mẹ học sinh đồng thuận về chủ trương, Hiệu trưởng quyết định việc mặc đồng phục và quy định kiểu dáng, màu sắc, số ngày mặc đồng phục trong tuần. Phụ huynh học sinh hoặc Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức việc may hoặc mua đồng phục theo đúng quy định.

5. Quỹ Hội cha mẹ học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh và các văn bản khác của Nhà nước.

6. Các nguồn thu tài trợ

Thực hiện theo Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản khác của Nhà nước.

7. Tiền bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội, chữ thập đỏ

Thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Mức thu, các khoản thu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh quản lý được thực hiện từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 của UBND tỉnh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo; Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- CV: VX;
- Lưu: VT; CV: TH^C.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng